TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 26 – 01 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ẩn

2. Ông Vũ Huy Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 308/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Anh T**, giới tính: N; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: F6/29B, Tổ F, Ấp F, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trương Thị L; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 người con; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và một người con sinh năm 2015;

Tiền án:

- Ngày 09/8/2012, bị cáo bị Toà án nhân dân Quận 6 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 109/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/7/2013, nộp án phí ngày 20/02/2017.

- Ngày 26/02/2016, bị cáo Toà án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 52/2016/HSST (hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 30/5/2015). Chấp hành xong

hình phạt tù vào ngày 06/5/2018. Qua xác minh, bị cáo T chưa nộp án phí và bồi thường dân sự, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Bà Lưu Phan S, sinh năm 1979 (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: G lô B, ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Công ty TNHH MTV S1;

Địa chỉ: G lô B, ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S1: Ông Tạ Lập T1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: B đường B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người làm chứng:* Bà Thạch Thị N1, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm G, phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T là công nhân làm thuê cho Công ty TNHH MTV S1, địa chỉ G, Ấp G, xã L, huyện B do bà Lưu Phan S làm quản lý công ty, giữa T và công ty K có ký kết hợp đồng lao động. Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 12/3/2023 do xe mô tô là tài sản của công ty chuyên sử dụng để giao hàng bị hư hỏng nên bà S giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 59C1-500.97 là tài sản cá nhân của bà S làm chủ sở hữu cho T sử dụng để chở 02 bao ống chỉ bằng nhựa nặng 70 kilôgam đến địa chỉ số E P, Phường A, Quận E giao cho anh Lương Kim L1. Trên đường đi, T bị chủ nợ gọi điện thoại đòi tiền nên T nảy sinh ý định bán xe mô tô của bà S để lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn. Lúc này, T dừng xe lại trên đường T (không rõ địa chỉ cụ thể) thuộc địa bàn quận B rồi vứt bỏ 02 bao ống chỉ nhựa ven đường. Sau đó, T dùng điện thoại chụp hình xe mô tô biển số 59C1-500.97 đăng lên trang mạng xã hội rao bán. Khoảng 30 phút sau có người liên lạc hỏi mua xe của T và hẹn giao dịch tại đường K T điều khiển xe mô tô biển số 59C1-500.97 đến điểm hẹn (không rõ địa chỉ cụ thể) thì gặp 02 nam thanh niên không rõ lai lịch đến coi xe và đồng ý mua với giá 4.700.000 đồng. T nhận tiền và giao xe cho 02 nam thanh niên nhưng không làm giấy tờ mua bán. Sau đó, T bán điện thoại di động và bỏ sim điện thoại đang sử dụng rồi đón xe khách bỏ trốn đi làm ở nhiều nơi khác nhau. Số tiền bán xe mô tô biển số 59C1-500.97 có được T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 13/3/2023, bà S trình báo Công an xã L lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra, xử lý.

Ngày 22/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định truy tìm đối với đối tượng Nguyễn Anh T. Đến ngày 04/6/2023, Công an phường H, thành phố T mời T về trụ sở làm việc và bàn giao T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 1474/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 59C1-500.97 đã qua sử dụng trị giá 19.800.000 đồng; 70 kilôgam ống chỉ nhựa trị giá 1.540.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 21.340.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Nguyễn Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 59C1-500.97 và vứt bỏ 70 kilôgam ống chỉ nhựa của bà S như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ: 01 USB chứa video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Anh T xếp hàng hoá đi giao, được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bị hại bà Lưu Phan S yêu cầu Nguyễn Anh T bồi thường thiệt hại với số tiền 21.340.000 đồng. Bị cáo T chưa bồi thường thiệt hại cho bà S.

Cáo trạng số 306/CT-VKS ngày 17/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định và ghi nhận bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền là 21.340.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng, không oan, sai; bị cáo rất ăn năn hối hận; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh T khai nhận: Bị cáo Nguyễn Anh T là công nhân làm thuê cho Công ty TNHH MTV S1, địa chỉ G, Ấp G, xã L, huyện B do bà Lưu Phan S làm quản lý công ty. Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 12/3/2023, do xe chuyên sử dụng để giao hàng của công ty bị hỏng nên bà Lưu Phan S đã giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 59C1-500.97 là tài sản cá nhân của bà S đứng tên chủ sở hữu để giao cho bị cáo T sử dụng để chở 02 bao ống chỉ bằng nhựa nặng 70 kilôgam đến địa chỉ số E P, Phường A, Quận E giao cho anh Lương Kim L1. Bị cáo T đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại bà Lưu Phan S để thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô trên và vứt bỏ 70 kilôgam ống chỉ nhựa trên đường T. Sau khi chiếm đoạt xe mô tô của bà S, bị cáo T đã bán xe cho hai người đàn ông không rõ lai lịch tại đường K với giá 4.700.000 đồng. Trong thời gian bỏ trốn, bị cáo đã tiêu xài hết số tiền 4.700.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 1474/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 59C1-500.97 đã qua sử dụng trị giá 19.800.000 đồng và 70 kilôgam ống chỉ nhựa trị giá 1.540.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 21.340.000 đồng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng cùng vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Bị cáo Nguyễn Anh T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng vụ án: 01 USB chứa video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Anh T xếp hàng hoá đi giao hàng được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại bà Lưu Phan S số tiền 21.340.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Xét sự tự nguyện này của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g, khoản 2, Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T 04 (bốn) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2023.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu trữ cùng hồ sơ vụ án: 01 (một) USB chứa video ghi nhận hình ảnh bị cáo Nguyễn Anh T xếp hàng hoá đi giao hàng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải bồi thường cho bà Lưu Phan S số tiền số tiền 21.340.000 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), bồi thường ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 1.067.000 đồng (một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh; (1)
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (2)
- Lưu hs; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Việt